

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **142**/UBND-TCKH

Bỉm Sơn, ngày **19** tháng 01 năm 2017

V/v báo cáo tình hình nợ đọng
XDCB đến hết niên độ năm 2016

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Văn bản số 16/STC-ĐT ngày 05/01/2017 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo tình hình nợ đọng XDCB đến hết niên độ năm 2016; Sau khi rà soát, UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo theo phụ biểu kèm theo.

UBND thị xã Bỉm Sơn kính đề nghị Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./. **M**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-KH.



Bùi Huy Hùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XDCB ĐẾN HẾT NIÊN ĐỘ NĂM 2016
(KÈM THEO VĂN BẢN SỐ 44/UBND-TC/KH NGÀY 19 THÁNG 01 NĂM 2017 CỦA UBND THỊ XÃ BÌM SƠN)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị/nguồn vốn	Nợ động XDCB đến hết niên độ 2015 chuyển 2016			Giá trị khối lượng thực hiện 2016	Kế hoạch vốn 2016 đã bố trí				Nợ động XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển xử lý các năm tiếp theo		Ghi chú
		Tổng số	Nợ khối lượng thực hiện đến 31/12/2014	Nợ khối lượng thực hiện năm 2015		Tổng số	Xử lý nợ khối lượng thực hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ khối lượng thực hiện năm 2015	Cấp phát nợ khối lượng thực hiện năm 2016	Tổng số	Trong đó: nợ khối lượng thực hiện đến 31/12/2014	
A	B	1=2+3	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=1+4-5	10=2-6	13
	TỔNG SỐ A+B	40.865	18.890	21.975	126.031	108.190	3.796	10.715	93.679	58.706	16.584	
A	Dự án thuộc vốn NSNN:	40.865	18.890	21.975	126.031	108.190	3.796	10.715	93.679	58.706	16.584	
I	ĐA cấp tỉnh quản lý:	13.204	8.840	4.364	80.062	58.192	1.369	1.887	54.936	35.074	7.471	
I	Vốn cân đối ngân sách tỉnh	13.204	8.840	4.364	80.062	58.192	1.369	1.887	54.936	35.074	7.471	
a/	<i>Các dự án đã hoàn thành</i>	<i>6.281</i>	<i>5.219</i>	<i>1.062</i>	<i>4.021</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>10.302</i>	<i>5.219</i>	
1	Thoát nước khu CN cụm công nghiệp vừa và nhỏ thị xã Bim Sơn	5.322	4.260	1.062						5.322	4.260	
2	Đường Trần Hưng Đạo nối Quốc lộ 1A Bim Sơn	959	959		4.021	0				4.980	959	
b/	<i>Các dự án đang thực hiện</i>	<i>6.923</i>	<i>3.621</i>	<i>3.302</i>	<i>76.041</i>	<i>58.192</i>	<i>1.369</i>	<i>1.887</i>	<i>54.936</i>	<i>24.772</i>	<i>2.252</i>	
1	Đường từ TL7 đến đường Gom khu CN Bim Sơn	6.324	3.022	3.302	7.699	11.000	1.369	1.887	7.744	3.023	1.653	
2	Cải tạo nâng cấp đê Tam Điệp	599	599		0	0				599	599	
3	Trung tâm hội nghị nhà - Văn hóa thị xã Bim Sơn	0			11.509	10.615			10.615	894	0	
4	Đường giao thông Quốc lộ 1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và khu công nghiệp phía đông thị xã Bim Sơn	0			52.313	34.115			34.115	18.198	0	

5	Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bim Sơn	0			4.520	2.462		2.462	2.058	0	
2	Vốn NSTW bổ sung có mục tiêu	0	0	0	0	0			0	0	
a/	Các dự án đã hoàn thành	0	0	0	0	0			0	0	
b/	Các dự án đang thực hiện	0	0	0	0	0			0	0	
II	ĐA cấp huyện, tp, thị xã quản lý	6.188	1.570	4.618	35.445	33.736	0	0	33.736	7.897	1.570
a/	Các dự án đã hoàn thành	3.147	0	3.147	0	1.676	0	0	1.676	1.471	0
1	Kè suối xung quanh đền Đức Ông	78		78	0	78			78	0	0
2	Xây dựng cống chào tại Km288+400 Quốc lộ 1A	2.647		2.647	0	1.200			1.200	1.447	0
3	Hệ thống đèn trang trí phục vụ lễ đón nhận đô thị loại 3	101		101	0	101			101	0	0
4	Hệ thống đèn trang trí phục vụ lễ kỷ niệm 02/9	110		110	0	110			110	0	0
5	Cổng qua đường Lương Đình Của phường Phú Sơn	187		187	0	187			187	0	0
6	Mở rộng đường vào khu di tích xã quang trung	24		24	0	0			24	0	0
b/	Các dự án đang thực hiện	3.041	1.570	1.471	35.445	32.060	0	0	32.060	6.426	1.570
1	Đường giao thông Quốc lộ 1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và khu công nghiệp phía đông thị xã Bim Sơn	0			4.220	4.150			4.150	70	0
2	Đường từ tỉnh lộ 7 đến đường Gom khu CN Bim Sơn	277		277	3.580	3.000			3.000	857	0
3	Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bim Sơn	0			3.295	4.000			4.000	-705	0
4	Cầu Chuyên gia thị xã Bim Sơn	263		263	0	0			263	0	0
5	HTKT khu dân cư 4+5 phường Bắc Sơn	121		121	6.986	5.011			5.011	2.096	0

6	HTKT khu dân cư nam đường Trần Phú	2.270	1.570	700	2.424	500			500	4.194	1.570	
7	HTKT bắc công ty cơ giới 15	110		110	0	0				110	0	
8	Nhà hiệu bộ trường THPT Lê Hồng Phong	0			5.024	5.744			5.744	-720	0	
9	Cải tạo đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Tam Điệp)	0			5.487	5.487			5.487	0	0	
10	Lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt từ D63-D90 phường Đông Sơn	0			2.152	1.788			1.788	364	0	
11	Cải tạo nâng cấp đường Tổng Duy Tân phường Ba Đình hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng công cộng	0			1.080	1.000			1.000	80	0	
12	Đường Võ Thị Sáu (Đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn Kết) (Hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng)	0			1.197	1.380			1.380	-183	0	
III	ĐA cấp xã, phường, thị trấn quản lý	21.473	8.480	12.993	10.524	16.262	2.427	8.828	5.007	15.735	7.543	
I	ĐA Chương trình XD nông thôn mới	6.334	1.965	4.369	6.891	6.963	289	3.335	3.339	6.262	1.676	
	Công Sở xã Quang Trung	1.623		1.623		1.623		1.623		0		
	Cầu bản thôn 1	467		467		200		200		267		
	Trường TH Quang Trung	107		107		107		107		0		
	Trường MN Quang Trung	150		150		150		150		0		
	Trạm y tế xã Quang Trung				2.278	377		377		1.901		
	Cổng trên kênh T3	487		487	511	386		60	326	612		
	Cầu Bản qua mương Xuân Nội	422	422	0		289	289	0	0	133	133	
	Đường GTND thôn Xuân Nội	44	44	0		0	0	0	0	44	44	
	Trường THCS Hà Lan	1.499	1.499	0		0	0	0	0	1.499	1.499	
	Đường liên thôn Đoài thôn - Diên Lư	758	0	758		162	0	162	0	596	0	
	Nâng cấp, cải tạo trường Mầm non Hà Lan	777	0	777		656	0	656	0	121	0	
	Mương thoát nước KDC ĐT				1.989	1.400			1.400	589		
	Mương nội đồng Đoài Thôn				657	436			436	221		

	Mương nội đồng Diên Lư				461	360			360	101	
	Kiên cố hóa kênh T9				995	817			817	178	
2	ĐA khác	15.139	6.515	8.624	3.633	9.299	2.138	5.493	1.668	9.473	5.867
	Công trình trường Mầm non trung tâm phường Lam Sơn	1.641	855	786		1.523	855	668		118	
	Vùng rau an toàn thôn nghĩa Môn	342		342		232			232	110	
	Bếp ăn trường Mầm non trung tâm phường Lam Sơn	141		141		95			95	46	
	Đường vào trường Mầm non trung tâm phường Lam Sơn	98		98		65			65	33	
	Hạ tầng kỹ thuật phí đông BVĐK Bim Sơn	88		88						88	
	Công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bãi phim	206	206							206	206
	Công trình nhà thực hành thí nghiệm trường cấp II	208	208							208	208
-	Công trình trụ sở UBND phường	997	997							997	997
-	Công trình sân bê tông nhà để xe, khuôn viên UBND phường	221	221							221	221
	Công trình 6 phòng học trường cấp I	242	242							242	242
	Công trình nhà lớp học 2 phòng 1 tầng trường tiểu học Ngọc Trạo	17	17							17	17
	Công trình xây dựng CSHT khu VLXD Bim Sơn	290		290						290	
	Công trình tầng 2 và khu cầu thang nhà lớp học - Trường tiểu học Ngọc Trạo	717		717		530		530		187	
	Công trình trạm y tế phường				1.200	670			670	530	
	Công trình XDCS hạ tầng kỹ thuật khu Tây ga	286	286							286	286
	Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng KDC bắc xường mộc	238	238							238	238
	Trụ sở làm việc UBND phường	986	523	463		769		523	246	217	
	Trường Mầm Non Phú Sơn	39	39	0		0			0	39	39
	Đường Đặng Dung	53	49	4		49		49	0	4	0
	Đường Ngô Gia Khâm	26	26	0	0	24		24	0	2	2

XD Bếp + tường rào trường Mầm Non	13	13		0	13			13	0	13	
Nhà lớp học, nhà đa năng trường Mầm Non	2.549		2.549	0	2.549		2.549	0	0	0	
Nâng cấp cải tạo đường giao thông khu 10	464	464	0	0	464	464			0	0	0
Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học	2.337	0	2.337	0	1.000	0	1.000		1.337	0	0
Nâng cấp cải tạo đường Tổng Duy Tân khu 1	0	0	0	2.433	347	0	0	347	2.086	2.086	0
Trường Tiểu học Bắc Sơn I	24	24			0				24	24	
Trường Tiểu học Bắc Sơn II	58	58			0				58	58	
Đường Hồ T. Mậu	5	5			0				5	5	
Trụ sở UBND Phường	4	4			0				4	4	
Đường liên khu 4 + 5	65	65			0				65	65	
Trường THCS Bắc Sơn	103	103			0				103	103	
Đường Lê Lai Khu phố	75	75			52	52			23	23	
Đường giao thông khu phố 5	7	7			3	3			4	4	
Đường Giao thông Hoàng Diệu	30	30			0				30	30	
Đường Triệu Q.Đạt	42	42			2	2			40	40	
Đường Dân cư Ven suối khu phố 4	240	240			140	140			100	100	
Đường Trần Khe đá mài	18	18			0				18	18	
Đường cầu thôn 10	94	94			0				94	94	
Đường Trần thôn 12	83	83			40	40			43	43	
Bảng tin, tường rào Trụ sở UB	6	6			0				6	6	
Tường rào phía nam Trụ sở UB	37	37			0				37	37	
Đường di nghĩa trang	39	39			0				39	39	
Nhà bếp ăn trường Mầm non.	98	98			30	30			68	68	
Nhà đa năng trường THCS	87	87			11	11			76	76	
Cải tạo taluy ao Trụ sở UB	56	56			0				56	56	
Nhà hiệu bộ trường MN	137	137			0				137	137	
Cầu Đồng nghệ B- Thôn 10	108	108			41	41			67	67	
Thoát nước thôn 11	154	154			113	113			41	41	
Trạm Y Tế	180	180			82	82			98	98	
Cầu Ba lá Thôn 7	321	321			305	305			16	16	
Phòng bảo vệ và cổng trường MN	38	38			0				38	38	



[illegible]